

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỐT NỐT
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/DS-ST

Ngày: 12.4.2021

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Điền

- *Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Văn Gốc

2. Bà Võ Thị Ánh

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nhàn - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Kiều Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 279/2020/TLST-DS ngày 27/10/2020 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 198/2021/QĐXX-ST ngày 09/3/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S*

Địa chỉ trụ sở: phường I, quận G, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Văn T, chức vụ: Giám đốc chi nhánh Cần Thơ.

Người đại diện ủy quyền tham gia tố tụng: ông Hồ Thanh L, sinh năm 1964, địa chỉ: phường S, quận N, thành phố Cần Thơ (*theo văn bản ủy quyền số: 1047/2020/UQ.CNCT ngày 02.7.2020*).

2. *Bị đơn:*

2.1. Bà **Nguyễn Thị H**

sinh năm 1959

2.2. Ông **Nguyễn Văn B**

sinh năm 1958

Nơi cư ngụ: khu vực A, phường B, quận T, thành phố Cần Thơ.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Anh **Nguyễn Văn H**

sinh năm 1977

3.2. Chị **Võ Thị Tuyết L**

sinh năm 1977

3.3. Anh **Nguyễn Văn H¹**

sinh năm 1981

Cư ngụ: khu vực A, phường B, quận T, thành phố Cần Thơ.

3.4. Chị **Nguyễn Thị G**

sinh năm 1983

Cư ngụ: khu vực X, phường Y, quận T, thành phố Cần Thơ.

3.5. Cháu **Nguyễn Văn H²**

sinh năm 1999

Cư ngụ: khu vực A, phường B, quận T, thành phố Cần Thơ.

(nguyên đơn có mặt, bị đơn và Người liên quan vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 01.7.2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng) có đại diện ủy quyền ông Hồ Thanh L trình bày:*

Vào ngày 19.6.2015 Ngân hàng thương mại cổ phần P - Phòng giao dịch T có cho bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn B vay vốn theo hợp đồng tín dụng số: 029/06/15 ngày 19.6.2015. Theo đó, ngân hàng cho ông B bà H vay với hạn mức 95.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh vật liệu xây dựng, lãi suất: 12%/năm, lãi suất có điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng.

Để đảm bảo nợ vay thì Ngân hàng với ông B bà H thỏa thuận ký các hợp đồng thế chấp số: 029/06/15/HĐTC ngày 17.6.2015 tài sản thế chấp là phần đất diện tích 622,6m² thửa đất số 355, tờ bản đồ số 06 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở số: H 02641 do UBND huyện Thốt Nốt cấp ngày 28.8.2007 cho hộ bà Nguyễn Thị H đứng tên quyền sử dụng đất - đất tọa lạc tại khu vực A, phường B, quận T, thành phố Cần Thơ.

Do hợp đồng tín dụng đã đến hạn thanh toán nhưng ông B bà H không trả nợ cho ngân hàng. Mặc dù, ngân hàng nhiều lần yêu cầu đòi nợ quá hạn nhưng bị đơn vẫn không thực hiện nên vi phạm các thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử vụ án và tiền lãi phát sinh đến khi bị đơn thanh toán xong nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký. Nếu bị đơn không thanh toán được nợ thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng, nếu tài sản phát mãi không đủ trả nợ thì tiếp tục trả thêm cho đến khi trả hết nợ. Cụ thể, đến ngày 28.01.2021 ngân hàng yêu cầu ông B bà H có trách nhiệm thanh toán cho ngân hàng tổng cộng 57.494.000 đồng (trong đó gốc 27.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 19.199.667 đồng, nợ lãi quá hạn: 11.294.333 đồng) và tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán dứt nợ.

** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Ông bà thống nhất có thỏa thuận với Ngân hàng thương mại cổ phần P về giao kết hợp đồng tín dụng số 029/06/15 ngày 19.6.2015. Theo đó, ngân hàng cho ông bà vay hạn mức 95.000.000 đồng, thời hạn 12 tháng, mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh vật liệu xây dựng, lãi suất: 12%/năm, lãi suất có điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng.

Để đảm bảo nợ vay thì ông bà thỏa thuận thế chấp tài sản theo hợp đồng số: 029/06/15/HĐTC ngày 17.6.2015 với tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất diện tích

622,6m², thửa đất số 355, tờ bản đồ số 06 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở số: H 02641 do UBND huyện Thốt Nốt cấp ngày 28.8.2007 cho hộ bà Nguyễn Thị H đứng tên quyền sử dụng tại khu vực A, phường B, quận T, thành phố Cần Thơ.

Quá trình vay vốn ông bà đã trả được 68.000.000 đồng nợ gốc, nhưng từ ngày 12.9.2019 đến nay thì anh không khả năng trả tiếp.

Nay qua yêu cầu đòi nợ của ngân hàng thì ông bà đồng ý trả nợ theo hợp đồng tín dụng số 029/06/15 ngày 19.6.2015, tính đến ngày 28.01.2021 thì số tiền nợ gốc 27.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 19.199.667 đồng, nợ lãi quá hạn: 11.294.333 đồng và tiền lãi phát sinh. Không đồng ý phát mãi tài sản thế chấp mà yêu cầu được trả dần đến khi dứt nợ.

** Quá trình giải quyết vụ án, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị G trình bày:* Chị thống nhất khoản nợ vay của ông B bà H đối với Ngân hàng. Về trách nhiệm trả nợ thì chị không ý kiến. Trường hợp Ngân hàng yêu cầu phát mãi thì chị sẽ tự thỏa thuận tại giai đoạn thi hành án về nghĩa vụ trả nợ của bị đơn.

** Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm anh Nguyễn Văn H, chị Võ Thị Tuyết L, anh Nguyễn Văn H¹, cháu Nguyễn Văn H²:* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, triệu tập họp lệ các đương sự để thực hiện việc tự khai, để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các đương sự đều vắng mặt không có lý do nên vụ án không tiến hành mở phiên họp đối với người liên quan này được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Đại diện nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả nợ cho đến ngày 28.01.2021 tổng cộng là 57.494.000 đồng, trong đó gồm nợ gốc 27.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 19.199.667 đồng, nợ lãi quá hạn: 11.294.333 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả tất nợ.

Bị đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

./ Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng là đúng trình tự thủ tục luật định.

./ Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn. Theo đó buộc bị đơn ông B bà H có trách nhiệm trả nợ gốc và lãi cho ngân hàng theo thỏa thuận hợp đồng tín dụng. Trường hợp bị đơn không trả hoặc trả không đủ nợ theo thỏa thuận thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thanh toán nợ. Nếu tài sản thế chấp không đủ trả nợ thì yêu cầu bị đơn tiếp tục trả thêm cho đến khi trả hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật*: Nguyên đơn ngân hàng thương mại cổ phần S với bị đơn ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị H có thỏa thuận ký kết hợp đồng tín dụng với mục đích tiêu dùng. Quá trình giao dịch, ông B bà H không thanh toán nợ đến hạn theo thỏa thuận nên ngân hàng có đơn khởi kiện yêu cầu đòi nợ.

Xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2]. *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị H và Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị G có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Anh Nguyễn Văn H, chị Võ Thị Tuyết L, anh Nguyễn Văn H¹, cháu Nguyễn Văn H² đã được Tòa án tổng đạt triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào ngày 25.3.2021 và ngày hôm nay (ngày 12.4.2021) nhưng đương sự đều vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1, 3 điều 228 và điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. *Xác định tư cách tham gia tố tụng*: Theo Quyết định số: 1844/QĐ-NHNN ngày 14.9.2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sáp nhập Ngân hàng thương mại cổ phần P vào Ngân hàng thương mại cổ phần S. Trong đó, Ngân hàng thương mại cổ phần S có trách nhiệm: 1. *Tiếp nhận toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng thương mại cổ phần P*. Nên, xác định Ngân hàng thương mại cổ phần S là nguyên đơn là đúng quy định pháp luật theo quy định tại khoản 2 điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*:

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị H thừa nhận: ông bà có thỏa thuận giao kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng thương mại cổ phần P. Cụ thể ngày 19.6.2015 ông bà với Ngân hàng thỏa thuận giao kết hợp đồng tín dụng số: 029/06/15 ngày 19.6.2015 để vay 95.000.000 đồng, thời hạn 12 tháng, lãi suất: 12%/năm, có điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn.

Để đảm bảo nợ vay, ông B bà H thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất thửa số 355 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: H 02641 do UBND huyện T cấp ngày 28.8.2007 cho hộ bà Nguyễn Thị H đứng tên quyền sử dụng - đất tại khu vực A, phường B, quận T, thành phố Cần Thơ.

Do Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục luật định. Nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó đến ngày 28.01.2021 bị đơn còn nợ ngân hàng gồm nợ gốc 27.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 19.199.667 đồng, nợ lãi quá hạn: 11.294.333 đồng. Ngân hàng yêu cầu ông B bà H có nghĩa vụ trả nợ cho

ngân hàng đến ngày 28.01.2021 với tổng số tiền nợ gốc và lãi là 57.494.000 đồng là có căn cứ chấp nhận và phù hợp theo quy định tại điều 91 và khoản 1 điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

[5]. *Đối với yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để xử lý nợ:*

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không đồng ý phát mãi tài sản thế chấp theo yêu cầu của ngân hàng. Hội đồng xét xử xét thấy: Khi thế chấp tài sản để đảm bảo nợ vay thì Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tự nguyện ủy quyền (*bút lục: 13, 14*) cho ông B bà H để ông bà đại diện gia đình thế chấp tài sản tại ngân hàng. Hơn nữa Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 029/06/15/HĐTC ngày 17.6.2015 đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Thốt Nốt và đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai quận T ngày 17.6.2015. Theo đó, thì hộ gia đình ông B bà H đã đồng ý thế chấp quyền sử dụng đất số: H 02641 ngày 28.8.2007 do UBND huyện T cấp cho hộ bà Nguyễn Thị H đứng tên quyền sử dụng để đảm bảo vay số tiền 95.000.000 đồng. Trên cơ sở Hợp đồng thế chấp tài sản được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục luật định nên có căn cứ khẳng định ông B bà H tự nguyện sử dụng tài sản của mình để thế chấp nhằm đảm bảo nợ vay tại ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện và đúng quy định pháp luật nên khi phát sinh tranh chấp đã dẫn đến phát sinh nghĩa vụ thế chấp tài sản. Mặt khác, theo thỏa thuận tại điều 4 của hai Hợp đồng thế chấp thì các bên thỏa thuận xử lý tài sản để thu hồi vốn vay khi nợ đến hạn trả mà ông B bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, trường hợp bị đơn không trả được nợ thì nguyên đơn được quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để xử lý nợ theo quy định tại khoản 2 điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

[6]. *Đối với ý kiến của bị đơn:* Quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn cho rằng hiện nay đang gặp khó khăn về kinh tế nên không có khả năng trả nợ, yêu cầu trả dần đến khi dứt nợ. Hội đồng xét xử xét thấy, trên cơ sở nguyên đơn không đồng ý yêu cầu của bị đơn nên Hội đồng xét xử không thỏa mãn ý kiến của bị đơn về yêu cầu này. Mặt khác yêu cầu trả dần của bị đơn không thuộc phạm vi giải quyết của Hội đồng xét xử nên yêu cầu trên được xem xét giải quyết tại giai đoạn thi hành án mà Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận.

Từ những viện dẫn trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

[7]. *Về chi phí thẩm định tài sản:* Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu chi phí này. Nguyên đơn đã nộp chi phí tạm ứng thẩm định, định giá tài sản và lệ phí Trích đo địa chính tổng cộng 5.000.000 đồng nên bị đơn có nghĩa vụ bồi hoàn cho nguyên đơn số tiền trên.

[8]. *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

/ Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí giá ngạch là: $5\% \times 57.494.000 \text{ đồng} = 2.874.700 \text{ đồng}$. Xét giảm 50% án phí do hoàn cảnh khó

khẩn về kinh tế được Ủy ban nhân dân phường B xác nhận nên bị đơn còn phải nộp: 2.874.700 đồng x 50% = 1.437.350 đồng (làm tròn 1.437.000 đồng);

./ Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 3 điều 26, điểm b khoản 1 điều 35, 147, 227, 228 và điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 91, 94 và 95 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17.6.2010;
- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S (có ông Hồ Thanh L đại diện) đối với bị đơn ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị H.

Buộc ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S tổng cộng 57.494.000 đồng, trong đó:

./ Nợ gốc: 27.000.000 đồng;

./ Nợ lãi trong hạn: 19.199.667 đồng.

./ Nợ lãi quá hạn: 11.294.333 đồng (tính đến ngày 28.01.2021).

Ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị H phải tiếp tục trả lãi theo hợp đồng tín dụng số: 029/06/15 ngày 19.6.2015 cho Ngân hàng thương mại cổ phần S kể từ ngày 29.01.2021 trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng và thời gian chậm trả cho đến khi thanh toán xong. Trường hợp trong hợp đồng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bị đơn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh theo lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trường hợp ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị H không trả được nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần S có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thanh toán nợ. Cụ thể là Quyền sử dụng đất thửa số 355, diện tích 622,6m², tờ bản đồ số 6, mục đích sử dụng: đất ở nông thôn và cây lâu năm, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở số: H 02641 ngày 28.8.2007 (số seri AL 932450) do UBND huyện T cấp cho hộ bà Nguyễn Thị H đứng tên quyền sử dụng - đất tại khu vực A, phường B, quận T, thành phố Cần Thơ.

(Gửi kèm biên bản thẩm định tài sản ngày 09.3.2021).

Nếu tài sản thế chấp không đủ trả nợ thì ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ tiếp tục trả thêm cho đến khi trả hết nợ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

./ Ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị H phải nộp 1.437.000 đồng;

./ Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 1.355.800 đồng theo phiếu thu số: AA/2019/012497 ngày 20.10.2020 tại Chi cục dân sự Thị hành án quận T, thành phố Cần Thơ.

4. Về chi phí thẩm định tài sản: Bị đơn ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị H phải chịu 5.000.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí này nên bị đơn phải hoàn lại nguyên đơn số tiền trên.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án tại địa phương để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án và cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND quận T;
- THA quận T;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Điền